



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Ngày/ Date:

Số/ N^o: **A1028105078**

Trang/ Page: 1/3



1. Phương tiện đo/ Object: **BỘ GHI NHIỆT ĐỘ 30 KÊNH/ MEMORY HILOGGER**

2. Hãng sản xuất/ Manufacturer: **HIOKI**

3. Kiểu/ Model: **LR8402-20**

4. Số hiệu/ SN: **170318567**

5. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification:

+ Loại nhiệt kế/ Type: **Nhiệt kế chỉ thị và tự ghi nhiệt độ**

+ Khoảng nhiệt độ/ Temp. range: **-200 ÷ 1372°C**

+ Độ phân giải/ Resolution: **0,01; 0,05°C**

Số nhận dạng/ ID: **78**

6. Khách hàng/ Customer: **CÔNG TY TNHH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VIỆT NAM**

7. Địa chỉ/ Address: **Tầng 4, 130 Nguyễn Đức Cảnh, Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội**

8. Nơi hiệu chuẩn/ Place of calibration: **Phòng hiệu chuẩn 1**

9. Địa chỉ/ Address: **Tầng 4, 130 Nguyễn Đức Cảnh, Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội**

10. Phương pháp hiệu chuẩn/ Procedure of calibration: **A10-09 - Quy trình hiệu chuẩn nhiệt kế chỉ thị hiện số và tương tự**

11. Chuẩn sử dụng/ Standards Used:

Chuẩn/ Standards	Mã nhận dạng/ ID	Liên kết chuẩn/ Traceable to	Hiệu lực đến/ Due date
Nhiệt ẩm kế / Thermo - Hygrometer	TB-105	AoV	08/2021
Nhiệt kế PRT chuẩn / Standard Platinum Resistance Thermometers	TB-63	VMI	07/2022
Lò Nhiệt Chuẩn / Field Metrology Well	TB-64	QUATEST3	07/2021

12. Môi trường hiệu chuẩn/ calibration environment:

Nhiệt độ/ Temperature: **[25,3 ÷ 25,6] °C**

Độ ẩm/ Humidity: **[58 ÷ 62] %RH**

13. Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration: **01/03/2021**

14. Ngày hiệu chuẩn tiếp theo/ Recommended date of next calibration: **01/03/2022**

15. Tem hiệu chuẩn/ calibration label: **A078**

A O V

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây.
The calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.
- Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của AoV.
This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of AoV.
- Tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
Name of customer is written as customer's request.

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Ngày/ Date:

Số/ N^o: A1028105078

Trang/ Page: 2/3



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN/
RESULTS OF CALIBRATION

TB-78-H13				
Điểm hiệu chuẩn, °C/ Calibration point, °C	Giá trị chuẩn, °C/ Reference value, °C	Giá trị chỉ thị, °C/ Indication value, °C	Sai số, °C/ Error, °C	U ⁽¹⁾ , °C/ Uncertainty, °C
300°C	300,016	298,60	-1,416	0,25
350°C	349,999	348,55	-1,449	0,25
400°C	399,968	398,62	-1,348	0,25
450°C	450,012	448,78	-1,232	0,45
500°C	500,002	498,75	-1,252	0,45
550°C	550,006	548,6	-1,406	0,45
600°C	600,023	598,6	-1,423	0,45
650°C	650,009	648,3	-1,709	0,45

TB-78-H14				
Điểm hiệu chuẩn, °C/ Calibration point, °C	Giá trị chuẩn, °C/ Reference value, °C	Giá trị chỉ thị, °C/ Indication value, °C	Sai số, °C/ Error, °C	U ⁽¹⁾ , °C/ Uncertainty, °C
300°C	300,016	298,98	-1,036	0,25
350°C	349,999	348,99	-1,009	0,25
400°C	399,968	399,13	-0,838	0,25
450°C	450,012	449,33	-0,682	0,45
500°C	500,002	499,35	-0,652	0,45
550°C	550,006	549,3	-0,706	0,45
600°C	600,023	599,2	-0,823	0,45
650°C	650,009	649,1	-0,909	0,45

TB-78-H15				
Điểm hiệu chuẩn, °C/ Calibration point, °C	Giá trị chuẩn, °C/ Reference value, °C	Giá trị chỉ thị, °C/ Indication value, °C	Sai số, °C/ Error, °C	U ⁽¹⁾ , °C/ Uncertainty, °C
300°C	300,016	298,60	-1,416	0,25
350°C	349,999	348,52	-1,479	0,25
400°C	399,968	398,63	-1,338	0,25
450°C	450,012	448,78	-1,232	0,45
500°C	500,002	498,75	-1,252	0,45
550°C	550,006	548,7	-1,306	0,45
600°C	600,023	598,6	-1,423	0,45

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây.
The calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.
- Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của AoV.
This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of AoV.
- Tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
Name of customer is written as customer's request.



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Ngày/ Date:

Số/ N^o: A1028105078

Trang/ Page: 3/3



650°C	650,009	648,3	-1,709	0,45
-------	---------	-------	--------	------

⁽¹⁾: Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số mở rộng $k = 2$, mức tin cậy $P = 0,95$ /
Expanded uncertainty of measurement is stated as standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k=2$, which for a normal distribution corresponds to a probability of approximately 95%.

--- Hết/ End ---



AoV

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây.
The calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.
2. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của AoV.
This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of AoV.
3. Tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
Name of customer is written as customer's request.